

17. Vận tải hành khách của địa phương

	Thực hiện T12/2017	Ước tính T01/2018	Ước tính T01/2018 so với T12/2017 (%)	Ước tính T01/2018 so với T01/2017 (%)
Vận chuyển hành khách	1 585,8	1 609,8	101,5	111,82
(Nghìn hành khách)				
Đường bộ	1 446,8	1 465,2	101,3	109,61
Đường thủy	139,0	144,6	104,0	140,52
Luân chuyển hành khách	174 469,7	175 752,1	100,7	113,10
(Nghìn HK.Km)				
Đường bộ	174 370,3	175 647,9	100,7	113,09
Đường thủy	99,4	104,2	104,8	132,96

18. Vận tải hàng hóa của địa phương

	Thực hiện T12/2017 (Triệu đồng)	Ước tính T01/2018 (Triệu đồng)	Ước tính T01/2018 so với T12/2017 (%)	Ước tính T01/2018 so với T01/2017 (%)
Vận chuyển hàng hóa	1658,53	1674,71	100,98	114,73
(Nghìn tấn.km)				
Đường bộ	693,34	686,19	98,97	109,55
Đường biển	541,77	559,30	103,24	125,36
Đường thủy	423,42	429,22	101,37	110,85
Luân chuyển hàng hóa	587 106	603 433	102,78	112,02
(Nghìn tấn.km)				
Đường bộ	45 286	43 308	95,63	121,81
Đường biển	491 262	508 824	103,58	112,91
Đường thủy	50 559	51 300	101,47	97,78